TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM YÊN** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 340/2024/QĐST-HNGĐ	*Hàm Yên, ngày 22 tháng 11 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 324/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1973;

Nơi cư trú: Thôn V 2, xã T, huyện B, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1983;

Nơi cư trú: Thôn 1 V, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 11 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 11 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị T.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 94/2007 do Ủy ban nhân dân xã Tản Hồng, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội cấp ngày 27/11/2007 cho ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị T không còn giá trị pháp lý).

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung:

- Giao con chung là cháu Nguyễn Anh K, sinh ngày 31/7/2012 cho ông Nguyễn Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục;

- Giao con chung là cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 04/8/2008 cho bà Trần Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục;

Ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không bị ai cản trở; Các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

2.2. Về tài sản chung, đất đai chung: Ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị T cùng xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn.

2.3. Về công nợ chung: Ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị T cùng xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn.

2.4. Về án phí:

+ Ông Nguyễn Văn T tự nguyện chịu toàn bộ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002865 ngày 18/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang (nộp theo hình thức trực tuyến trên Cổng dịch vụ công Quốc gia ngày 14/11/2024). Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn T số tiền chênh lệch là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

+ Bà Trần Thị T không phải nộp tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- Chi cục THADS huyện Hàm Yên;
- UBND xã Tản Hồng (Nơi ĐKKH);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TAND huyện Hàm Yên.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đức Tùng